

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 05/2022/HS-ST
Ngày 23-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hùng

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Thanh Hương

2/ Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ–
Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ– Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ
Thị Thuý Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 11
năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST – HS ngày
06/01/2022, thông báo tạm dừng phiên tòa số 03/TB-HS ngày 14/01/2022 và thông
báo mở lại phiên tòa số 04/TB-HS ngày 14/02/2022 đối với:

1. Bị cáo **TRẦN LƯƠNG VĨNH P** - Sinh ngày 17/9/1981; tại Quảng Nam; Nơi cư
trú: Tổ dân phố D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Buôn bán;
Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc
tịch: Việt Nam; Con ông: Trần S, con bà: Lương Thị K (đã chết); Vợ: Lê Thị T, sinh
năm 1983, Con: có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013. Tiền án: 01.
Ngày 22/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Đ tuY phạt 6 tháng tù về tội Đánh bạc.
Tiền sự: 01. Ngày 29/4/2021 bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính
1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 4/9/2021, sau đó chuyển
tạm giam từ ngày 10/9/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an
huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng “*Có mặt*”.

2. Bị cáo **NÔNG VĂN Đ1** Tên gọi khác: “Đ1 tày”; Sinh ngày 13/01/1981; tại Cao
Bằng; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp:

làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn T, sinh năm 1955, con bà Bé Thị N, sinh năm 1957; Vợ: Võ Hồng N, sinh năm 1983, Con: có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không. Về nhân thân: Ngày 28/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ tuY phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ, về tội Đánh bạc. Ngày 30/8/2012 bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, bị can đã chấp hành xong.

Ngày 14/10/2021 bị chủ tịch UBND huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính số tiền: 23.000.000 đồng về các hành vi vận chuyển lâm sản không có hồ sơ, điều khiển xe ô tô không có giấy đăng ký xe, không có giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực, không có giấy phép lái xe.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/9/2021 đến ngày 10/9/2021 thì được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng “*Có mặt*”

3. Bị cáo **MAI NGỌC M** - Sinh ngày 16/01/1972; tại Nam Định; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Thế K, sinh năm 1947, con bà Trịnh Thị K, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị Y (là bị cáo trong cùng vụ án), sinh năm 1975, Con: có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 4/9/2021 đến ngày 10/9/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại “*Có mặt*”

4. Bị cáo **NGUYỄN VĂN F** - Sinh ngày 28/9/1990; tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T2, con bà Nguyễn Thị C (cả hai đã chết); Vợ: Phạm Thị Thu H3, sinh năm 1997, Con: có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không. Về nhân thân: Ngày 24/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đ tuY phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Cường đoạt tài sản. Ngày 7/9/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Đ tuY phạt 04 năm tù về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Bị can đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 4/9/2021 đến ngày 10/9/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại “*Có mặt*”.

5. Bị cáo **VŨ V**- Sinh ngày 10/4/1993; tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Ngọc

M, sinh năm 1954, con bà Vũ Thị X1, sinh năm 1960; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Về nhân thân: Ngày 24/7/2009 bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc. Bị can chưa chấp hành. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 4/9/2021 đến ngày 10/9/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại “Có mặt”

6. Bị cáo **NGUYỄN HỒNG Đ2** - Sinh ngày 10/12/1986; tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Tổ dân phố 2B, thị trấn Đ; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hồng Q1(đã chết), con bà Lê Thị T2, sinh năm 1963; Vợ: Hoàng Thị L2, sinh năm 1992, Con: có 01 con, sinh năm 2014. Tiền án: 01. Ngày 27/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Đ tuY phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 4/9/2021, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 10/9/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng “*Có mặt*”.

7. Bị cáo **ĐỖ QUANG T1** - Sinh ngày 16/3/1987; tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Viết D2, sinh năm 1955, con bà Vũ Thị H3, sinh năm 1957; Vợ: Phùng Thị Hồng KhuY, sinh năm 1990, Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 4/9/2021 đến ngày 10/9/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại “*Có mặt*”.

8. Bị cáo **PHẠM VIỆT T2** - Sinh ngày 06/3/1985; tại Nam Định; Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn L4, sinh năm 1963, con bà Vũ Thị P2, sinh năm 1967; Vợ: Phạm Thị H5, sinh năm 1990, Con: có 3 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 4/9/2021 đến ngày 10/9/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại “*Có mặt*”.

9. Bị cáo **PHẠM CAO S** - Sinh ngày 15/7/1987; tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn L3, sinh năm 1963, con bà Vũ Thị P3, sinh năm 1967; Vợ: Đặng Thị N, sinh năm 1990, Con: có 2 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 4/9/2021 đến ngày 10/9/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại “*Có mặt*”.

10. Bị cáo **HỎA VĂN U** - Sinh ngày 10/3/1988; tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ học vấn: 9/12; Dân

tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hỏa Văn T6, đã chết, con bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1954; Vợ: Thái Thị Đ3, sinh năm 1989, Con: có 1 con, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại “Có mặt”.

11. Bị cáo **NGUYỄN THỊ Y** - Sinh ngày 06/6/1975; tại Nam Định; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn G, sinh năm 1947, con bà Đặng Thị C1 (đã chết); Chồng: Mai Ngọc M (là bị cáo trong cùng vụ án), Con: có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại “Có mặt”

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Đ3 - Sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn B1, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*”.

* **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Ngọc T – Sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 04/09/2021, Trần Lương Vĩnh P rủ Nông Văn Đ1 vào nhà Mai Ngọc M để đánh bạc. Sau đó, P gọi điện thoại cho M rủ thêm người để cùng đánh bạc thì M đồng ý. Khi M gọi điện cho P thông báo đã có người đánh bạc thì Đ1 điều khiển xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, màu bạc, biển số 51A-235.10 chở P đến nhà M ở Thôn B, xã P, huyện Đ thì thấy Nguyễn Văn F, VŨ V đang ngồi, còn M đi mua 01 cây bài tú lơ khơ để chuẩn bị cho việc đánh bạc. Sau đó Đ1, P, M, F và Năm cùng đi vào phòng bếp nhà trái 01 (một) chiếc chiếu cói có hoa văn màu đỏ, vàng, trắng ra để ngồi đánh bạc và thống nhất đánh bài “*Cào liêng*” được thua bằng tiền, tiền đi đường người chơi phải đặt trước khi chia bài mỗi ván là 100.000 đ (*Một trăm ngàn đồng*), tổ tối đa không quá 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*), người về nhất sẽ chia bài ở ván tiếp theo, nếu ván bài nào có người tố thắng được nhiều tiền thì phải xâu lại cho chủ nhà 100.000 đ (*Một trăm ngàn đồng*), tiền “xâu” được bỏ vào trong vỏ hộp lóc bài tú lơ khơ đặt cạnh chỗ ngồi của M, M cầm tiền xâu đưa cho Nguyễn Thị Y (vợ M) để phục vụ nước uống và nem cho những người đánh bạc cùng ăn. Khi P, Đ1, M, F, Năm đánh bạc được khoảng hơn 01 giờ đồng hồ thì thấy Đỗ Quang T1, Nguyễn Hồng Đ2 cũng lần lượt đến và cùng tham gia đánh bạc. Khi nào có người đến, muốn vào đánh bạc thì Y có nhiệm vụ ra mở, đóng cửa bếp cho người đó vào. Đến khoảng

15 giờ 30 phút thì Hỏa Văn U cũng đến nhà M và tham gia đánh bạc được 03 ván thua hết tiền nên U đi về trước. Đến khoảng 16 giờ thì Đ1 nghỉ đi về thì Phạm Viết T2 đến và cùng tham gia đánh bạc với P, M, F, T1, Đ2. Đến khoảng 20 giờ thì Đ2 nghỉ đi công việc, P đánh bạc đến khoảng 20 giờ thì gọi điện cho Đ1 vào đón nhưng khi Đ1 vào thấy P chưa về thì lại tiếp tục vào tham gia đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ thì Nguyễn Hồng Đ2, Phạm Cao S và Nguyễn Ngọc T (thường gọi là “U2”) cũng lần lượt đến. S đến để gọi Phạm Viết T2 (anh trai S) về nhưng khi thấy T2 và mọi người đang đánh bạc thì S cũng vào tham gia đánh bạc. Khi S vào thì Đ1 nghỉ, S vào ngồi thay vị trí của Đ1, còn T nằm trên võng, không tham gia đánh bạc. S có 100.000đ (Một trăm ngàn đồng) vào đặt được 01 ván thì thua hết tiền, nên S xin T 100.000đ (Một trăm ngàn đồng), vừa đặt ván thứ hai thì bị lực lượng Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra và kết quả lấy lời khai của Trần Lương Vĩnh P, Nông Văn Đ1, Mai Ngọc M, Nguyễn Văn F, Vũ Văn Năm, Phạm Viết T2, Phạm Cao S, Đỗ Quang T1, Nguyễn Hồng Đ2, Hỏa Văn U xác định số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

Đối với Trần Lương Vĩnh P: P là người rủ Đ1 và sử dụng 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110, số điện thoại 0983034949 để gọi điện thoại cho M tìm người đánh bài ăn tiền. Khi tham gia đánh bài, P mang theo 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), P lấy 3.000.000đ ra trả nợ cho Đ2 và sử dụng hết 3.000.000 đồng để đánh bạc, toàn bộ tiền đánh bạc để trong túi áo, khi đánh bạc thua hay thắng thì móc ra chung chi. Khi cơ quan Công an bắt quả tang, P đang thua số tiền là: 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), còn lại số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) P cất trong túi quần.

Đối với Nông Văn Đ1: Khi đi cùng P, Đ1 mang theo 3.000.000đ (ba triệu đồng) và sử dụng hết để đánh bạc, đến khoảng 16 giờ Đ1 thắng được 7.000.000đ (bảy triệu đồng) thì nghỉ, cầm tiền về. Khi P gọi điện thoại vào đón thì Đ1 mang theo 8.000.000đ rồi tiếp tục vào đánh bạc. Đ1 cho Đ2 mượn 5.000.000đ (năm triệu đồng) để đánh bạc, sau đó Đ2 thắng bạc và trả lại cho Đ1. Khi đánh bạc Đ1 để tiền trước mặt, trên chiếu bạc đến khi bị thua mất 6.000.000đ (sáu triệu đồng) thì nghỉ, ra xe ô tô ngồi chờ P. Khi thấy lực lượng Công an vào bắt quả Đ1 bỏ về nhà.

Đối với Mai Ngọc M: khi nghe P rủ đánh bạc thì M sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 Prime màu đen, số điện thoại 0839994353 gọi điện thoại rủ F, Năm đến nhà để đánh bạc, M chuẩn bị bài tứ lơ khơ. Khi tham gia đánh bạc M có số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) và sử dụng hết để đánh

bạc, toàn bộ tiền đánh bạc để trước mặt, trên chiếu bạc. Khi cơ quan Công an bắt quả tang, M không nhớ đang thắng hay thua. M là người cầm tiền xâu đưa cho Y.

Đối với Nguyễn Văn F: trưa ngày 4/9/2021, khi nghe M rủ đến nhà đánh bạc, F sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, màu đỏ đen, biển số 49M1-078.20 của anh Nguyễn Chí Thanh (anh trai của F) và mang theo 5.120.000đ (*năm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*), F sử dụng 1.000.000đ (*một triệu đồng*) để trước mặt, trên chiếu bạc để đánh bạc, còn 4.120.000đ F dùng để trong túi quần, không sử dụng để đánh bạc. Khi cơ quan Công an bắt quả tang, F đang thắng: 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) để trên chiếu bạc.

Đối với Vũ Văn Năm: trưa ngày 4/9/2021 khi nghe F rủ đến nhà đánh bạc thì Năm điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 60B5-047.21 và mang theo số tiền 11.632.000đ (*mười một triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn*), Năm bỏ ra 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) để trước mặt, trên chiếu bạc để đánh bạc, nếu thua hết thì nghỉ, còn số tiền 9.632.000đ dùng để mua phân bón, không sử dụng để đánh bạc, cất trong ốp lưng điện thoại. Đến khi cơ quan Công an bắt quả tang, Năm đang thua và còn khoảng 1.000.000đ trên chiếu bạc.

Đối với Đỗ Quang T1: Trưa ngày 4/9/2021 T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen vàng, biển số 49M1-040.83 đến nhà anh M mua nem thì thấy M mà một số người đang đánh bạc trong phòng bếp nên cũng vào tham gia đánh bạc. Khi đi mang theo 14.700.000đ (*mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*) và sử dụng hết để đánh bạc, toàn bộ tiền đánh bạc đối tượng để trước mặt, trên chiếu bạc. Đến khi cơ quan Công an bắt quả tang, T1 đang thua, còn khoảng 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) trên chiếu bạc.

Đối với Nguyễn Hồng Đ2: khoảng 14 giờ chiều 4/9/2021, Đ2 đến nhà anh M chơi thì thấy M và mọi người đang đánh bạc ăn thua bằng tiền nên Đ2 vào ngồi xem đến khoảng 17 giờ thì vào tham gia đánh bạc. Đ2 mang theo 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*), P trả cho Đ2 3.000.000đ đã nợ trước đó. Đ2 lấy ra 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì Đ2 hòa (*không thắng, không thua*). Đ2 gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn L6 làm nghề xe ôm đến nhà M để lấy số tiền 10.000.000đ mang về trả cho anh Nguyễn Ngọc T8 rồi Đ2 nghỉ không đánh bạc nữa rồi đến nhà bạn. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, Đ2 tiếp tục quay lại nhà M thì gặp Đ1 cũng đang đi vào nhà anh M, Đ2 mượn Đ1 số tiền là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) để đánh bạc, khoảng 21 giờ Đ2 trả lại cho Đ1 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Đến khi cơ quan Công an bắt quả tang, Đ2 đã bị thua hết tiền.

Đối với Hỏa Văn U: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 04/09/2021, U đi xe máy đến nhà M để mua nem thì thấy trong phòng bếp có T1, Năm, M, Đ2, P, F, Đ1 đang đánh

bạc hình thức “Cào liêng”, sát phạt nhau bằng tiền nên U cũng vào ngồi xem và tham gia đánh bạc. U ngồi giữa F và Đ1. Khi đến, U mang theo 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) và dùng hết để đánh bạc, quá trình đánh bạc thì U cầm tiền đánh bạc ở tay và tham gia chơi được 03 ván, mỗi ván đặt 100.000đ tiền đi đường, bị thua hết nên nghỉ về.

Đối với Phạm Viết T2: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 4/9/2021, sau khi đi giao kén tầm về, T2 thấy nhà M có đánh bạc ở phòng bếp nên vào ngồi, tham gia đánh bạc cùng với F, T1, Năm, P, Đ1, Đ2. T2 mang theo: 1.230.000đ (*một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*) và sử dụng 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*) để trước mặt, trên chiếu bạc để đánh bạc, còn số tiền lẻ 30.000đ T2 để trong túi quần bên phải. Đến khi cơ quan Công an bắt quả tang, T2 đang thắng, số tiền có trên chiếu bạc khoảng: 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), đã bỏ 2 lần tiền xâu 200.000đ bỏ vào vỏ hộp trước đó đựng bài tú lơ khơ, ngay chỗ ngồi của M.

Đối với Phạm Cao S: Khi tham gia đánh bạc S mang theo 10.300.000đ (*mười triệu ba trăm nghìn đồng*), trong đó tiền của T đưa cho S cầm giúp là 10.200.000đ (*mười triệu hai trăm nghìn đồng*) để trả tiền mua phân bón, còn lại của S có 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) dùng để đánh bạc, khi thua mất 100.000đ, hết tiền thì S đến chỗ Nguyễn Ngọc T xin 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*). S đang chơi ván thứ 2 thì cơ quan Công an bắt quả tang.

Đối với Nguyễn Thị Y: Y biết rõ các đối tượng đánh bạc tại khu vực phòng bếp nhà mình, ngồi xem đánh bạc. Y không tham gia đánh bạc, nhưng là người đóng mở cửa nhà mỗi khi có người chơi vào đánh bạc, trực tiếp lấy tiền xâu, phục vụ nước uống, nem chạo cho người đánh bạc, đến khi Công an vào bắt quả tang thì Y đã lấy được 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) tiền xâu bài, số tiền 100.000đ (*Một trăm ngàn đồng*) để trong vỏ hộp bài tú lơ khơ ở gần vị trí cửa ra vào phòng bếp đã bị tạm giữ khi bắt quả tang là tiền xâu bài còn lại của các đối tượng.

Vì vậy, xác định tổng số tiền P, Đ1, M, F, T1, S, Đ2, T2, U, T sử dụng để đánh bạc là 41.100.000đ (*bốn mươi một triệu một trăm nghìn đồng*).

Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị can Phạm Viết T2, Vũ Văn Năm, Mai Ngọc M, Phạm Cao S, Nguyễn Văn F, Trần Lương Vĩnh P, Đỗ Quang T1, Nguyễn Hồng Đ2, Nông Văn Đ1, Hỏa Văn U và Nguyễn Thị Y đã thành khẩn khai báo. Các bị can Phạm Viết T2, Mai Ngọc M, Phạm Cao S, Đỗ Quang T1, Hỏa Văn U phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị can Nguyễn Thị Y và bị can Nông Văn Đ1 tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính và đánh bạc, vì vậy cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKSĐT ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Trần Lương Vĩnh P, Nông Văn Đ1, Mai Ngọc M, Nguyễn Văn F, Nguyễn Hồng Đ2, Vũ Văn Năm, Phạm Viết T2, Phạm Cao S, Đỗ Quang T1 và bị cáo Hỏa Văn U về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Thị Y về tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguY quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Lương Vĩnh P từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Hình phạt bổ sung phạt tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) đồng đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ1 từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Không đề nghị phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ1.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đ2 từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù. Hình phạt bổ sung phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Mai Ngọc M từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung xử phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T1 từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung xử phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo VŨ V từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung xử phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn F từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung xử phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo Phạm Viết T2, Phạm Cao S và bị cáo Hoả Văn U mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y từ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và về án phí.

Tại phiên tòa các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận: Vào khoảng 11 giờ ngày 4/9/2021, bị cáo Trần Lương Vĩnh P rủ bị cáo Nông Văn Đ1 vào nhà bị cáo Mai Ngọc M và nhờ bị cáo M tìm người đánh bạc thì có bị cáo Nguyễn Văn F và bị cáo VŨ V đến nhà bị cáo M để đánh bạc tại nhà của bị cáo M ở thôn Bình Hòa, xã Dạ Pal, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì tất cả đồng ý. Sau đó, bị cáo M đi mua 01 cây bài tú lơ khơ và trải chiếu chiếu cói ra phòng bếp để đánh bạc và bị cáo Nguyễn Thị Y đặt 01 hộp giấy bên cạnh bị cáo M để thu tiền xâu. Khi chơi, tất cả thỏa thuận sử dụng bộ bài tú lơ khơ để chơi “Cào liêng” ăn thua bằng tiền, tiền tố mỗi ván từ 100.000đ đến tối đa không quá 2.000.000đ, nếu ván bài nào có người tố thắng được nhiều tiền thì phải xâu lại cho chủ nhà 100.000đ (Một trăm ngàn đồng) bỏ vào trong vỏ hộp lóc bài tú lơ khơ đặt tại chỗ ngồi của bị cáo M. Sau đó, các bị cáo Đỗ Quang T1, Nguyễn Hồng Đ2, Hoả Văn U, Phạm Viết T2 và bị cáo Phạm Cao S cũng lần lượt đến nhà bị cáo M và cùng tham gia đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Thị Y là chủ nhà, ngồi xem các đôi

tượng đánh bạc, đóng mở cửa bếp cho người vào đánh bạc, đã thu tiền xâu 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*) để phục vụ nước uống, nem cho các đối tượng ăn khi đánh bài. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 41.100.000đ (*bốn mươi một triệu một trăm nghìn đồng*). Hành vi của Trần Lương Vĩnh P, Nông Văn Đ1, Mai Ngọc M, Nguyễn Văn F, Vũ Văn Năm, Nguyễn Hồng Đ2, Đỗ Quang T1, Hỏa Văn U, Phạm Viết T2, Phạm Cao S đã cấu thành tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Y đã cấu thành tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Hành vi đánh bạc trái phép mà các bị cáo đã cố ý thực hiện với động cơ sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền nhằm tước đoạt tiền bạc của nhau là hành vi vi phạm pháp luật, là tệ nạn xã hội, Nhà nước nghiêm cấm đánh bạc dưới mọi hình thức. Đánh bạc là ngu Y nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình và các loại tội phạm khác ngoài xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và nếp sống văn minh tại địa phương. Trong vụ án này, các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm một cách tích cực, không có sự xúi giục và không có câu kết chặt chẽ vai trò của từng người, do đó đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, cùng cố ý thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã thực hiện. Xét vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đối với bị cáo Trần Lương Vĩnh P, bị cáo là người rủ bị cáo Đ1 đánh bài và gọi điện thoại cho bị cáo M tìm người đánh bài. Khi tham gia đánh bài, bị cáo P mang theo 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*), P lấy 3.000.000đ ra trả nợ cho bị cáo Đ2 và sử dụng hết 3.000.000 đồng để đánh bạc, toàn bộ tiền đánh bạc để trong túi áo, khi đánh bạc thua hay thắng thì móc ra chung chi. Khi cơ quan Công an bắt quả tang, P đang thua số tiền là: 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*), còn lại số tiền 2.400.000đ (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) P cất trong túi quần, bị cáo tham gia đánh bạc tích cực nhất. Bản thân bị cáo có 01 tiền án, ngày 22/9/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đtu Y phạt 6 tháng tù về tội đánh bạc và bị cáo có 01 tiền sự, ngày 29/4/2021 bị cáo bị Công an huyện Đra quyết định xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, do đó bị cáo P phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Nông Văn Đ1: Khi được bị cáo P rủ đi đánh bài thì bị cáo Đ1 mang theo 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) và sử dụng hết để đánh bạc, đến khoảng 16 giờ Đ1 thắng được 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) thì nghỉ, cầm tiền về. Khi bị cáo P gọi điện thoại vào đón thì bị cáo Đ1 mang theo 8.000.000đ rồi tiếp tục vào đánh bạc. Đ1 cho bị cáo Đ2 mượn 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) để đánh bạc, sau đó Đ2 thắng bạc và trả lại cho bị cáo Đ1. Khi đánh bạc bị cáo Đ1 để tiền trước mặt, trên chiếu bạc đến

khi bị thua mất 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) thì nghỉ, ra xe ô tô ngồi chờ bị cáo P, khi thấy lực lượng Công an vào bắt quả thì bị cáo Đ1 bỏ về nhà. Về nhân thân: Năm 2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện ĐtưY phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ, về tội đánh bạc. Năm 2012 bị xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Trong thời gian bị cáo được tại ngoại, ngày 12/9/2021 tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính, bị chủ tịch UBND huyện Đra quyết định xử phạt hành chính số tiền: 23.000.000đồng về các hành vi vận chuyển lâm sản không có hồ sơ, điều khiển xe ô tô không có giấy đăng ký xe, không có giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực, không có giấy phép lái xe.

Đối với bị cáo Nguyễn Hồng Đ2: Vào khoảng 14 giờ chiều 4/9/2021, bị cáo Đ2 đến nhà bị cáo M chơi thì thấy bị cáo M và mọi người đang đánh bạc ăn thua bằng tiền nên bị cáo Đ2 vào ngồi xem đến khoảng 17 giờ thì vào tham gia đánh bạc. Bị cáo Đ2 mang theo 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*), bị cáo P trả cho bị cáo Đ2 3.000.000đ đã nợ trước đó. Bị cáo Đ2 lấy ra 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) để đánh bạc, đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì bị cáo Đ2 hòa nên nghỉ không đánh bạc. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Đ2 tiếp tục quay lại và mượn bị cáo Đ1 số tiền là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) để đánh bạc, khoảng 21 giờ bị cáo Đ2 trả lại cho Đ1 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Đến khi cơ quan Công an bắt quả tang, Đ2 đã bị thua hết tiền. Bản thân bị cáo có 01 tiền án, ngày 27/9/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện ĐtưY phạt 6 tháng tù về tội đánh bạc.

Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo P, Đ1, Đ2 tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra, cần phải cách ly các bị cáo P, Đ1, Đ2 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật vừa giữ gìn an ninh trật tự, cải tạo giáo dục các bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo P, Đ1, Đ2 vì: Các bị cáo P, Đ1, Đ2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đ1 trong quá trình điều tra đã tự nguyện giao nộp số tiền 4.000.000 đồng liên quan đến hành vi đánh bạc và bị cáo Đ1 có bố ruột được tặng bằng khen trong việc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn F, Vũ Văn Năm, Mai Ngọc M và Đỗ Quang T1, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện tội phạm một cách tích cực. Đối với bị cáo Nguyễn Văn F, về nhân thân: năm 2009 bị cáo bị xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, năm

2010 bị cáo bị xử phạt 04 năm tù về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Bị can đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích. Đối với bị cáo Vũ Văn Năm, về nhân thân: năm 2009 bị cáo bị xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc. Do đó, khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào vai trò, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, vì: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đối với các bị cáo M, T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo F, Năm, M và T1 ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người hữu ích là phù hợp Điều 36 Bộ luật hình sự. Các bị cáo nhất thời phạm tội và phạm tội không có tính chuY nghiệp, các bị cáo không sử dụng số tiền đánh bạc làm nguồn thu nhập chính nên không khấu trừ phần thu nhập đối với các bị cáo là phù hợp. Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo F, Năm, M và T1 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Phạm Viết T2, Phạm Cao S và bị cáo Hoả Văn U đã cùng nhau tham gia đánh bạc tích cực trong vụ án; Đối với bị cáo Nguyễn Thị Y, bị cáo Y biết rõ các đối tượng đánh bạc tại khu vực phòng bếp nhà mình, ngồi xem đánh bạc. Bị cáo Y không tham gia đánh bạc, nhưng là người đóng mở cửa nhà mỗi khi có người chơi vào đánh bạc, trực tiếp lấy tiền xâu, phục vụ nước uống, nem chạo cho người đánh bạc. Do đó, khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào vai trò, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, vì: Các bị cáo T2, S và bị cáo U đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Y thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 400.000 đồng liên quan đến hành vi đánh bạc, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác Út trọc) và Nguyễn Duy Châu (tên gọi khác Năm) cũng có mặt tại thời điểm các bị can đánh bạc, nhưng cả T và Châu, chỉ ngồi xem. Khi S đến xin số tiền 100.000đ thì T (lúc đó đã uống rượu)

cũng không hỏi S xin tiền để làm gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với T và Châu là phù hợp.

[3] Về vật chứng của vụ án:

Cần tịch thu tiêu huỷ các vật chứng không còn giá trị sử dụng, gồm: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá, màu xanh; - 01 (một) hộp giấy màu xanh xám, kích thước 09cm x 06cm x 18cm, bên ngoài hộp có in chữ in hoa “DOUBLE K” và mã vạch số “6 923388 200 500”, một đầu nắp hộp đã bị xé rách, một đầu nắp hộp còn lại đã bị bung keo; 01 (một) chiếc chiếu cói có hoa văn màu đỏ vàng trắng.

Các vật chứng là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 màu xanh, số IMEI 1: 353153119382380 của Trần Lương Vĩnh P.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 Prime màu đen, loại cảm ứng, số IMEI 1: 357625082365456 của Mai Ngọc M.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Jolie, màu ghi - bạc, biển số 51A-235.10, tình trạng xe đã qua sử dụng, số khung: VB2W51000198, số máy: 4G63R-Z03858, kèm theo: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 038089, xe nhãn hiệu Mitsubishi Jolie màu ghi - bạc, năm sản xuất 2004, biển số 51A-235.10, tên chủ xe Công ty Cổ phần DV TM vận tải du lịch Hoàng phát; 01 (một) giấy bán xe ngày 29/4/2021 giữa Nguyễn Đ2 2 và Nông Văn Đ1; 01 (một) giấy bán xe ngày 25/3/2020 giữa Chu Quang Duy và Nguyễn Đ2 2.

Giao cho cơ quan Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 60B5-047.21, số máy: 5C6K-082072, số khung: C6K0DY082062, tình trạng xe đã qua sử dụng, xe không có giấy tờ.

* Đối với số tiền 46.782.000 đồng, trong đó:

+ Số tiền 22.830.000 đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng*), là số tiền trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang, tiền các bị cáo dùng để đánh bạc. Do vậy, cần tịch thu số tiền này sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

+ Số tiền 9.632.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng*). Xét thấy, đây là số tiền của bị cáo VŨ V không dùng để đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo Năm là phù hợp.

+ Số tiền 10.200.000 đồng (*Mười triệu hai trăm ngàn đồng*). Xét thấy, đây là số tiền của bị cáo Phạm Cao S không dùng để đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo S là phù hợp.

+ Số tiền 4.120.000 đồng (*Bốn triệu một trăm hai mươi ngàn đồng*). Xét thấy, đây là số tiền của bị cáo Nguyễn Văn F không dùng để đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo F là phù hợp.

Ngoài ra, quá trình điều tra, cơ quan điều tra còn thu giữ 01(*một*) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen vàng, biển số 49M1-040.83 của Đỗ Quang T1 và 01(*một*) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, màu đỏ đen, biển số 49M1-078.20 của Nguyễn Văn F, xét thấy khi T1 mượn xe của chị Phùng Thị Hồng KhuY (vợ T1), F mượn xe của anh Nguyễn Chính Thanh (anh trai của F) đi đánh bạc nhưng cả chị KhuY và anh Thanh đều không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[4] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. TuY bố các bị cáo Trần Lương Vĩnh P, Nông Văn Đ1, Mai Ngọc M, Nguyễn Văn F, Nguyễn Hồng Đ2, Vũ Văn Năm, Phạm Viêt T2, Phạm Cao S, Đỗ Quang T1 và bị cáo Hỏa Văn U phạm tội “*Đánh bạc*”; Bị cáo Nguyễn Thị Y phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

*** Về hình phạt chính:**

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Lương Vĩnh P 12 (mười hai) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” tại bản án số: 40/2021/HS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đthì bị cáo P phải chấp hành tổng hợp hình phạt là 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đ2 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” tại bản án số: 42/2021/HS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đthì bị cáo Đ2 phải chấp hành tổng hợp hình phạt là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04 tháng 9 năm 2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ1 09 (chín) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ là 05 (năm) ngày (từ ngày 05/9/2021 đến ngày 10/9/2021). Như vậy,

bị cáo Đ1 còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Mai Ngọc M 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 04/9/2021 đến 10/9/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 04/9/2021 đến 10/9/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo VŨ V12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 04/9/2021 đến 10/9/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn F 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ (từ ngày 04/9/2021 đến 10/9/2021) bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Mai Ngọc M, Vũ Văn Năm, Nguyễn Văn F và bị cáo Đỗ Quang T1 tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo M, Năm, F và bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đạ Pal, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phạm Viết T2 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Hoả Văn U số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phạm Cao S số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Y số tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

*** Về hình phạt bổ sung:**

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Lương Vĩnh P phải nộp số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt các bị cáo Mai Ngọc M, Đỗ Quang T1 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn F, Nông Văn Đ1 và bị cáo VŨ V mỗi bị cáo phải nộp số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Đ2 phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá, màu xanh.

- 01 (một) hộp giấy màu xanh xám, kích thước 09cm x 06cm x 18cm, bên ngoài hộp có in chữ in hoa “DOUBLE K” và mã vạch số “6 923388 200 500”, một đầu nắp hộp đã bị xé rách, một đầu nắp hộp còn lại đã bị bung keo.

- 01 (một) chiếc chiếu cói có hoa văn màu đỏ vàng trắng.

2.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước, gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 màu xanh, số IMEI 1: 353153119382380.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 Prime màu đen, loại cảm ứng, số IMEI 1: 357625082365456.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Jolie, màu ghi - bạc, biển số 51A-235.10, tình trạng xe đã quan sử dụng, số khung: VB2W51000198, số máy: 4G63R-Z03858, kèm theo: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 038089, xe nhãn hiệu Mitsubishi Jolie màu ghi - bạc, năm sản xuất 2004, biển số 51A-235.10, tên chủ xe Công ty Cổ phần DV TM vận tải du lịch Hoàng phát; 01 (một) giấy bán xe ngày 29/4/2021 giữa Nguyễn Đ2 2 và Nông Văn Đ1; 01 (một) giấy bán xe ngày 25/3/2020 giữa Chu Quang Duy và Nguyễn Đ2 2.

- Số tiền 22.830.000 đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng*).

2.3. Trả lại cho các bị cáo:

Trả lại cho bị cáo VŨ Vsố tiền 9.632.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng*), trả lại cho bị cáo Phạm Cao S số tiền 10.200.000 đồng (*Mười triệu hai trăm ngàn đồng*), trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn F số tiền 4.120.000 đồng (*Bốn triệu một trăm hai mươi ngàn đồng*). Cần tiếp tục tạm giữ số tiền này của các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

2.4. Giao cho cơ quan Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo quy định của pháp luật: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, biển số 60B5-047.21, số máy: 5C6K-082072, số khung: C6K0DY082062, tình trạng xe đã qua sử dụng, xe không có giấy tờ.

Chi tiết của các vật chứng trên được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 24/11/2021 giữa cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Đối với số tiền 46.782.000 đồng (*Ba trăm ba mươi một triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng*) hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 24/11/2021 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Lương Vĩnh P, Nông Văn Đ1, Mai Ngọc M, Nguyễn Văn F, Nguyễn Hồng Đ2, Vũ Văn Năm, Phạm Viết T2, Phạm Cao S, Đỗ Quang T1, Hỏa Văn U và bị cáo Nguyễn Thị Y mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục P thẩm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người có QL và NVLQ;
- Thi hành án dân sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

- *Lưu HS.*

Dương Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thanh Hương

Dương Văn Hùng

Nguyễn Thị Loan